

Số: /BC-UBND

*Xã Hoàng Văn Thụ, ngày tháng 7 năm 2025*

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026, Kế hoạch tài chính – Ngân sách Nhà nước 03 năm 2026-2028 thuộc lĩnh vực giáo dục**

Căn cứ công văn số 2590/SGDDĐT-KHTC ngày 11/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn về việc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2026, Kế hoạch tài chính – NSNN 3 năm 2026-2028 thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp. Ủy ban nhân dân xã Hoàng Văn Thụ báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026-2028 thuộc lĩnh vực giáo dục như sau:

#### **A. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC**

##### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC**

###### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2025**

###### **a) Quy mô trường, lớp, học sinh, đội ngũ giáo viên**

Năm học 2024-2025, toàn xã có 13 trường học (Mầm non 05 trường, Tiểu học 03 trường, Trung học cơ sở 03 trường, Liên cấp TH&THCS 02 trường) với tổng số 121 lớp (Mầm non 39 lớp, Tiểu học 51 lớp, Trung học cơ sở 31 lớp)

Tổng số học sinh: 2.919 học sinh (Mầm non: 829 học sinh, Tiểu học 1.214 học sinh, THCS 876 học sinh)

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 336 người. Trong đó có 229 giáo viên (Trường Mầm non 81, Tiểu học 85, Trung học cơ sở 63). Có 203/218 giáo viên đạt chuẩn trở lên chiếm 93,1%.

###### **b) Tỷ lệ huy động trẻ em/số học sinh đúng độ tuổi**

Tỷ lệ huy động số trẻ trong độ tuổi ra nhà trẻ đạt 55,04% đảm bảo chỉ tiêu cấp trên giao.

Tỷ lệ học sinh 6-10 tuổi học tiểu học đạt 100%

Tỷ lệ học sinh 11-14 tuổi học THCS đạt 99,8%.

###### **c) Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

Xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

Công tác xóa mù chữ tiếp tục được duy trì, củng cố và mở rộng; không có tình trạng tái mù chữ. Trong 06 tháng đầu năm đã tổ chức khai giảng được 02 lớp xóa mù chữ với 45 học viên, tổng kết được 01 lớp xóa mù chữ với 35 học viên.

#### **d) Tình hình duy trì sĩ số, học sinh bỏ học, chuyển trường**

Duy trì sĩ số: Mầm non đạt 100%; Tiểu học đạt 100%; THCS đạt 100%. Không có học sinh bỏ học; thực hiện thủ tục cho học sinh chuyển trường đảm bảo đúng quy trình, đầy đủ minh chứng.

#### **e) Chất lượng hai mặt giáo dục**

100% học sinh được đánh giá xếp loại phẩm chất, năng lực; rèn luyện, học tập. Tỷ lệ học sinh xếp loại năng lực hoàn thành tốt, học tập mức tốt đạt trên 15%.

Kết quả thi học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh đạt kết quả cao. Tổng số có 47 giải, trong đó có 33 giải cấp huyện, 14 giải cấp tỉnh. Thi giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 22 giải, trong đó có 21 giải cấp huyện, 01 giải cấp tỉnh.

Trong năm học 2024-2025 tập thể Trường Mầm non Tân Thanh và 01 cá nhân của Trường Mầm non Hồng Thái đã được UBND tỉnh đề xuất khen thưởng cấp Nhà nước.

#### **f) Cơ sở vật chất, trang thiết bị**

Trong 06 tháng đầu năm 2025, đã đầu tư xây mới 10 phòng học và phòng hành chính (Trường Tiểu học Tân Thanh 08 phòng học; trường THCS Tân Mỹ 01 phòng đa năng, 01 phòng bảo vệ); thực hiện sửa chữa 17 phòng học, 13 phòng hành chính, 10 nhà vệ sinh (Trường THCS Tân Mỹ); 01 nhà bếp (Trường Tiểu học Tân Thanh).

Công tác bảo đảm an toàn trường học được tăng cường, không để xảy ra tai nạn thương tích, ngộ độc thực phẩm trong trường học.

### **3. Công tác quản lý, chỉ đạo và hoạt động chuyên môn**

Chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá: Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình GDPT 2018 từ lớp: 1-9. Giáo viên được tập huấn chuyên sâu, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: 100% trường học sử dụng phần mềm quản lý trường học; triển khai học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử tại 08 trường phổ thông. Tăng cường dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp.

Thường xuyên tổ chức các chuyên đề về giáo dục đạo đức, phòng chống bạo lực học đường, kỹ năng sống cho học sinh. Công tác tư vấn tâm lý học đường được triển khai tại tất cả các trường phổ thông.

### **4. Thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân**

#### **4.1. Thuận lợi**

Sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền địa phương; sự phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, phụ huynh và cộng đồng.

Đội ngũ nhà giáo ngày càng nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy học.

#### **4.2. Khó khăn**

Một số trường còn thiếu phòng học, thiếu giáo viên biên chế.

Thiết bị dạy học phục vụ chương trình GDPT 2018 chưa đồng bộ.

**4.3. Nguyên nhân:** Nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế; việc triển khai một số chương trình đổi mới còn lúng túng, thiếu tính đồng bộ.

## **II. DỰ UỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025 (NĂM HỌC 2025-2026)**

### **1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**

#### **a) Nhóm chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch**

- Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi ra lớp:

Mẫu giáo 5 tuổi: Ước đạt 100%.

Lớp 1: Ước đạt 100%, đạt kế hoạch.

Lớp 6: Ước đạt 100%, đạt kế hoạch.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, vào lớp 6: Ước đạt 100%, đạt chỉ tiêu giao.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 11/13 trường đạt 84,6% tăng 04 trường so với năm 2020).

- Tỷ lệ phổ cập giáo dục - xóa mù chữ:

Duy trì đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD Tiểu học mức độ 2, PCGD Trung học cơ sở mức độ 3, giữ vững chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

**b) Nhóm chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch:** không

**c) Nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu:** không

### **2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026**

#### **a) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018**

Tổ chức dạy học theo chương trình GDPT 2018 cho các lớp: Tiểu học: lớp 1 đến lớp 5; THCS: lớp 6 đến lớp 9.

Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày đối với 100% các trường phổ thông;

Tiến hành rà soát, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo danh mục tối thiểu.

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo hướng tiếp cận chương trình mới.

**b) Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá**

Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đặc biệt chú trọng đánh giá thường xuyên.

Triển khai các hoạt động nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo hướng mở, liên trường.

**c) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

Tăng cường sử dụng học bạ điện tử, phần mềm quản lý giáo dục. 100% trường áp dụng phần mềm thống kê dữ liệu học sinh, quản lý hồ sơ điện tử.

**d) Giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, tư vấn tâm lý học sinh**

Lồng ghép giáo dục đạo đức, kỹ năng sống vào các môn học và hoạt động ngoài giờ. Triển khai hiệu quả mô hình “trường học hạnh phúc”, “trường học an toàn, không bạo lực”.

Củng cố và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ tư vấn học đường.

**đ) Công tác quản lý, kiểm tra**

Tăng cường phân cấp, giao quyền tự chủ cho các trường trong quản lý, sử dụng nguồn lực.

Tổ chức kiểm tra nội bộ, đánh giá ngoài theo định kỳ; chấn chỉnh các biểu hiện lệch chuẩn trong công tác giảng dạy, tuyển sinh, thu chi đầu năm học.

**B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Trong giai đoạn 2021-2025, UBND các xã, Phòng GD&ĐT (trước khi sắp xếp) đã tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của tỉnh và huyện.

Chỉ đạo triển khai đồng bộ các chương trình trọng tâm như: đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018; xây dựng trường chuẩn quốc gia; phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; chuyển đổi số trong giáo dục.

Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong phát triển giáo dục.

**II. Tình hình thực hiện và ước thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2025 (dự ước)**

**1. Quy mô trường, lớp, học sinh, đội ngũ giáo viên**

Dự ước đến cuối năm 2025 toàn xã có 13 trường công lập (trong đó MN: 05, TH: 03, THCS: 03, Liên cấp TH&THCS: 02). Tổng số lớp dự kiến: 120 lớp (trong đó Mầm non 39 lớp, Tiểu học 51 lớp, THCS 30 lớp).

Tổng số học sinh toàn xã: 2.837 học sinh, trong đó, MN: 774 học sinh, TH: 1.171 học sinh, THCS: 892 học sinh.

Tổng số giáo viên biên chế là 221 giáo viên, trong đó Mầm non 74, Tiểu học 85, THCS 62. Phần đầu tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định mới đạt 95%.

## **2. Cơ sở vật chất, trường chuẩn quốc gia**

Tổng số phòng học kiên cố: 118 phòng. Các hạng mục phụ trợ (nhà vệ sinh, khu thể thao, thư viện,...) được đầu tư nâng cấp đáng kể qua các chương trình mục tiêu quốc gia, đầu tư công trung hạn, xã hội hóa.

Duy trì 11/13 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt 84,6%).

## **3. Thành tích nổi bật trong giảng dạy và học tập**

Chất lượng giáo dục được duy trì ổn định, nâng cao theo từng năm học.

Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học, quản lý giáo dục.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, THCS đạt trên 99,8%; học sinh xếp loại học tập đạt mức tốt, khá tăng hàng năm.

## **III. Giải pháp thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 của UBND tỉnh và các văn bản giao kế hoạch của UBND huyện (cũ)**

Tăng cường chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, ưu tiên các trường còn thiếu điều kiện tối thiểu phục vụ chương trình GDPT 2018.

Thực hiện rà soát, bổ sung, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo chương trình mới.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực từ cộng đồng, doanh nghiệp trong phát triển giáo dục.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai.

## **II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2026 LĨNH VỰC GIÁO DỤC**

### **1. Dự báo quy mô học sinh, lớp học, giáo viên**

Căn cứ tình hình biến động dân số, xu hướng phát triển giáo dục trên địa bàn, dự báo quy mô giáo dục năm 2026 như sau:

| Cấp học | Số trường | Số lớp/nhóm lớp | Số học sinh | Số giáo viên |
|---------|-----------|-----------------|-------------|--------------|
|---------|-----------|-----------------|-------------|--------------|

|                  |           |            |              |            |
|------------------|-----------|------------|--------------|------------|
| Mầm non          | 5         | 39         | 774          | 74         |
| Tiểu học         | 3         | 51         | 1.171        | 85         |
| THCS             | 5         | 31         | 892          | 62         |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>13</b> | <b>120</b> | <b>2.931</b> | <b>221</b> |

Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp: 100%

Tỷ lệ học sinh tiểu học đúng độ tuổi: 100%

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS: 99,8%

Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày: 100%

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục 2019: 100%

## **2. Nhu cầu đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị**

Nhu cầu xây mới: Ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư xây mới toàn bộ các phòng học, phòng bộ môn, khối phòng hành chính, khối phụ trợ cho trường PTDTBT Tiểu học & THCS Nhạc Kỳ do tà luy dương sau trường có nguy cơ sạt lở cần di dời khẩn cấp. Xây dựng mới 11 phòng học tại các trường, điểm trường mầm non, tiểu học và THCS khác trên địa bàn xã.

Nhu cầu sửa chữa: Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Tân Mỹ đạt chuẩn quốc gia mức độ I; sửa chữa 25 phòng học, phòng chức năng, nhà vệ sinh,... tại các trường học trên địa bàn xã.

Nhu cầu mua sắm thiết bị: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu theo Chương trình GDPT 2018 tại 8 trường phổ thông.

Trang bị thiết bị phục vụ chuyển đổi số: máy tính, phần mềm quản lý, bảng tương tác:

## **3. Nhiệm vụ chuyên môn trọng tâm**

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các lớp từ 1 đến 9.

Bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý về chương trình, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá mới.

Duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, tư vấn học sinh.

Tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn cụm trường, cụm môn; nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn.

## **4. Nhiệm vụ xây dựng trường học an toàn, chuyển đổi số, giáo dục toàn diện học sinh**

Xây dựng trường học an toàn: Đảm bảo 100% trường có phương án phòng chống thiên tai, bạo lực học đường, tai nạn thương tích. Hoàn thiện tiêu chí “trường học hạnh phúc” ở các trường phổ thông.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục: Duy trì và mở rộng số điểm điện tử, học bạ điện tử. Ứng dụng phần mềm quản lý trường học, học liệu số, tổ chức thi trực tuyến (nếu phù hợp). Tập huấn giáo viên kỹ năng công nghệ số, ứng dụng AI, EdTech.

Giáo dục toàn diện học sinh: Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao; giáo dục môi trường, kỹ năng sống. Chăm lo học sinh yếu thế, học sinh khuyết tật học hòa nhập. Đổi mới phương pháp đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh tiếp cận thực tế.

## **II. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện**

Tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn lực hợp lý để đầu tư hạ tầng giáo dục, mua sắm trang thiết bị, ưu tiên cho các trường vùng khó khăn. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường lớp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và nhu cầu học sinh. Tăng cường xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực từ cộng đồng, doanh nghiệp.

Phối hợp Sở GDĐT tổ chức tập huấn chuyên môn, chuyển đổi số, nâng cao năng lực đội ngũ đơn vị sự nghiệp. Phối hợp tốt giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ, đảm bảo kế hoạch được triển khai hiệu quả, bền vững.

## **B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2026- 2028 LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

### **I. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2024 và ước thực hiện năm 2025**

#### **1. Đánh giá thực hiện dự toán ngân sách năm 2024**

Tổng chi năm 2024: 51.165,673 triệu đồng, trong đó:

Nguồn kinh phí tự chủ: 49.111,918 triệu đồng.

Nguồn kinh phí không tự chủ: 2.053,755 triệu đồng.

Năm học 2024-2025 các cơ sở giáo dục đã thực hiện chi trả các chế độ chính sách cho CBQL, giáo viên, người lao động, học sinh. Tuy nhiên, còn chế độ phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật năm học 2024-2025 chưa thực hiện chi trả do chưa được phân bổ kinh phí.

#### **2. Đánh giá tình hình ước thực hiện ngân sách nhà nước năm 2025 lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Tổng chi đến thời điểm 30/6/2025: 33.610,824 triệu đồng.

Tổng chi ước thực hiện năm 2025: 68.412,269 triệu đồng

## II. Xây dựng dự toán NSNN năm 2026, Kế hoạch tài chính 3 năm 2026-2028

### 1. Xây dựng dự toán thu

Tổng thu: Học phí, lệ phí: 0 đồng.

### 2. Xây dựng dự toán chi

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                                  | Thực hiện<br>6 tháng<br>đầu năm<br>2025 | Ước thực hiện năm 2025 |            | Dự toán<br>năm 2026<br>(năm kế<br>hoạch) |
|-----|-------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------|------------|------------------------------------------|
|     |                                           |                                         | Dự toán                | Ước TH     |                                          |
|     | <b>Chi thường xuyên theo<br/>lĩnh vực</b> | 33.610,824                              | 66.399,866             | 68.412,269 | 72.767,106                               |
|     | <b>Giáo dục - đào tạo</b>                 | 33.610,824                              | 66.399,866             | 68.412,269 | 72.767,106                               |

### 3. Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026-2028

Dự kiến tổng chi ngân sách lĩnh vực GDĐT:

Năm 2026. Dự toán chi: 71.880,059 triệu đồng. Tăng 1,1% so với năm trước.

Năm 2027. Dự toán chi: 75.972,539 triệu đồng. Tăng 1,1% so với năm trước.

Năm 2028. Dự toán chi: 79.718,743 triệu đồng. Tăng 1,1% so với năm trước.

Ưu tiên giai đoạn 03 năm 2026 – 2028:

Bảo đảm chi lương, phụ cấp và các chính sách an sinh cho giáo viên, học sinh.

Triển khai chương trình GDPT 2018 toàn diện.

Hoàn thành các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn.

### 4. Kế hoạch huy động nguồn lực ngoài ngân sách

- Nguồn xã hội hóa: Vận động đóng góp của cộng đồng, phụ huynh, doanh nghiệp cho các nội dung: thiết bị, thư viện, hỗ trợ học sinh nghèo: 0 đồng.

- Nguồn viện trợ, tài trợ hợp pháp: 0 đồng.

## III. Kiến nghị, đề xuất

- Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ lãnh đạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Điều động, tuyển dụng giáo viên biên chế đối với các trường thiếu giáo viên, đặc biệt là các môn mới trong chương trình GDPT 2018 (Tin học, Ngoại ngữ...).

- Tiếp tục quan tâm, bố trí kinh phí chi thường xuyên và đầu tư phát triển đúng tiến độ; ưu tiên các công trình trọng điểm trong giáo dục theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030, đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy và học.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026, Kế hoạch tài chính – NSNN 3 năm 2026-2028 thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn xã Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn./.

***Nơi nhận:***

- Sở GD&ĐT;
- CT, các PCT UBND xã;
- C, PCVP HĐND và UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Văn hóa- xã hội;
- Lưu: VT, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Quỳnh Nga**